

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 947/2023/HC- PT

Ngày: 27-10-2023

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành chính
và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương
Bà Nguyễn Thị Cúc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên Cao cấp

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 267/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 4 năm 2023, về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2706/2023/QĐ-PT ngày 10/10/2023, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Bùi Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Gia N, sinh năm 1976; địa chỉ: số D, quốc lộ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt);

- **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;

2. Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Minh B - Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T - Phó trưởng phòng Phòng T3 (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H – Giám đốc (vắng mặt);

2. Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tất D - Giám đốc (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Ông Cao Đình L1, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Ngày 08/02/2021, bà L nộp hồ sơ xin chuyển 400m² từ đất cây lâu năm sang đất ở nông thôn của thửa đất số 513, tờ bản đồ 8, diện tích 1.668,1m² tại xã T, Đ. Bộ phận Một cửa thành phố Đ đã tiếp nhận và có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 000.00.65.H10-210208-0004/TTPVHCC (BPTNTKQ) ngày 08/02/2021. Ngày hẹn trả giấy nộp thuế là ngày 09/3/2021. Nhiều lần bà L lên nhận kết quả nhưng đều không có. Ngày 18/8/2021, bà L có Đơn khiếu nại khiếu nại về hành vi chậm chuyển mục đích sử dụng đất gửi Chủ tịch UBND thành phố Đ. Ngày 11/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Công văn số 2329/UBND-TD không chuyển mục đích sử dụng đất cho bà L.

- Nội dung công văn giải quyết khiếu nại: Công văn số 2329/UBND-TD nêu: Quá trình tiếp nhận, tác nghiệp hồ sơ:

Ngày 08/02/2021, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố Đ tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất của bà L đối với thửa thửa đất số 513, tờ bản đồ 8, diện tích 1.668,1m² CLN, diện tích đăng ký chuyển mục đích sang đất ở 400m² tại xã T. Ngày 08/3/2021, Phòng Quản lý đô thị thành phố Đ có công văn số 96/QLĐT-NĐ với ý kiến không đủ điều kiện chuyển sang đất ở do vị trí đất thuộc đất trồng cây lâu năm (theo Quyết định 4123/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND thị xã Đ (cũ). Sau khi nhận ý kiến của Phòng QLĐT thì Phòng TN&MT chuyển hồ sơ sang Bộ phận Một cửa để liên hệ trả lại hồ sơ (nhiều lần) nhưng bà L không đến nhận.

* Kết quả thẩm định hồ sơ xin chuyển mục đích của bà L:

Thửa đất của bà L xin chuyển mục đích được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 187/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 (số thứ tự 461). Theo phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Đ tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 và theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 thì vị trí xin chuyển mục đích của bà L thuộc đất ở nông thôn. Tuy nhiên, theo quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt tại Quyết định 4123/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND thị xã

Đ thửa đất này thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm; đồng thời, theo phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Đ đang được tổ chức thực hiện thì vị trí đất của bà L xin chuyển mục đích dự kiến là đất hỗn hợp; theo đồ án quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040 thì thửa đất này dự kiến là đất dự trữ phát triển. Ngày 28/5/2021, Sở T tỉnh có công văn số 1369/STNMT-CCQLĐĐ có đoạn nêu “Cho thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp đã phù hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2021 (với điều kiện các trường hợp này sẽ được cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030)”. Đến nay phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, đồ án quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040 đang được Sở Xây dựng tổ chức lập, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt. Như vậy, vị trí đất bà L đề nghị chuyển mục đích phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhưng không phù hợp quy hoạch Nông thôn mới được phê duyệt, đồng thời vị trí đất này dự kiến không được cập nhật là đất ở vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030. Mặt khác, khu vực này chưa có quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết được phê duyệt. Do đó, hiện tại chưa phù hợp để xem xét chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở. Sau khi đồ án quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040 và phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Đ được phê duyệt, nếu thửa đất của bà L phù hợp với quy hoạch đất ở thì UBND thành phố sẽ xem xét việc xin chuyển mục đích của bà L theo quy định”.

Theo công văn nêu trên thì Chủ tịch UBND thành phố Đ đã thừa nhận các nội dung sau: Thửa đất của bà L xin chuyển mục đích được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 187/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 (số thứ tự 461); Theo phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Đ tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 và theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 thì vị trí xin chuyển mục đích của bà L thuộc đất ở nông thôn; Đồ án quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040 và phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Đ chưa được phê duyệt; Khu vực đất xin chuyển mục đích sang đất ở của bà L chưa có quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết được phê duyệt (trong đồ án mới dự kiến là đất hỗn hợp, dự kiến là đất dự trữ phát triển); Vị trí đất bà L đề nghị chuyển mục đích phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Vị trí đất bà L đề nghị chuyển mục đích không phù hợp quy hoạch Nông thôn mới được phê duyệt tại Quyết định 4123/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND thị xã Đ (quy hoạch Nông thôn mới là đất trồng cây lâu năm). Không nêu cụ thể tại Điều nào, khoản nào của Quyết định mà chỉ nêu chung chung; Vị trí đất bà L đề nghị chuyển mục đích dự kiến không được cập nhật là đất ở vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030.

Sau khi nghiên cứu nội dung công văn nêu trên, các quy định của pháp luật về chuyển mục đích sử dụng đất, quy định nông thôn mới tại:

1/ Quyết định 4123/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND thị xã Đ phê duyệt quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã T quy định như sau:

“Điều 1: Phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cụ thể như sau:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô diện tích khu đất lập quy hoạch:

2. Mục tiêu, nội dung yêu cầu của đồ án:

3. Tiền đề, quy mô quy hoạch:

3.1. Quy mô dân số, lao động: (Đính kèm Bảng phụ lục số 1).

3.2. Quy mô, nhu cầu đất xây dựng: (Đính kèm Bảng phụ lục số 2).

4. Diện tích cơ cấu các loại đất: (Đính kèm Bảng Phụ lục số 3).

(Bảng 3: Diện tích cơ cấu các loại đất.

1.

2.

...

5. Đất khu dân cư nông thôn (ONT): 207,83 ha)).

5. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian đồ án quy hoạch:

a) Phân khu chức năng, tổ chức không gian:

- Phát triển hai điểm dân cư nằm tại tại Ấp F và khu dân cư tại Ấp B, Ấp C.

b) Khu Trung tâm dân cư số 1:

- Khu Trung tâm xã (Trung tâm X): Nằm tại khu vực Ấp F: Ủy ban nhân dân xã, Y tế xã, Trường THCS (mới), C, khu thể dục thể thao, nhà Văn hóa xã, đất ở dân cư. (Đính kèm Bảng Phụ lục số 4).

(Bảng 4: Bảng thống kê xây dựng công trình công cộng tại khu dân cư số 1

Chỉ thống kê xây dựng công trình công cộng chứ không thống kê hạn mức chuyển mục đích sử dụng đất ở)...”.

Ngoài các nội dung trên thì các nội dung khác trong Quyết định không liên quan tới chuyển mục đích sử dụng đất.

Như vậy, trong Quyết định 4123/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 không quy định các nội dung liên quan tới chuyển mục đích sử dụng đất (trong đó có hồ sơ chuyển mục đích của bà L). Do đó, Chủ tịch UBND thành phố Đ viện dẫn quy định nêu tại Quyết định 4123 để không chuyển mục đích sử dụng đất cho bà L là không đúng.

2/ Quyết định 1098/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Đ, tỉnh Bình Phước quy định:

“Điều 1: Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Đ, tỉnh Bình Phước với những nội dung sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2021: Phụ lục 01.

(Phụ lục 01: Diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2021 của thành phố Đồng Xoài

1. Đất nông nghiệp:

1.1. Đất trồng lúa:

2. Đất phi nông nghiệp:

2.13. Đất ở tại nông thôn: 177,38 ha.

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021: Phụ lục 02.

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021: Phụ lục 03.

(Phụ lục 03: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 của Tp .:

1. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp:

1.1. Đất trồng lúa:

1.2. Đất trồng cây hàng năm khác:

1.3. Đất trồng cây lâu năm: 474,45 ha.

(Trường hợp của bà L là đất cây lâu năm chuyển sang mục đích đất ở (đất phi nông nghiệp và đã được UBND tỉnh đồng ý tại Quyết định 187/QĐ-UBND ngày 22/01/2021).

Điều 2: Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Đ được phê duyệt, các cơ quan, đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở T:

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đ có trách nhiệm:

a) Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được duyệt, tuân thủ đúng quy định của pháp luật có liên quan; chỉ được thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất lúa cho các hộ gia đình, cá nhân sau khi được phân bổ chỉ tiêu và được UBND tỉnh phê duyệt danh sách bổ sung trên cơ sở Tờ trình của Sở T, UBND thành phố Đ.”.

3/ Quyết định 187/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh C cho triển khai các đối với các dự án đầu tư và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chưa đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã P, huyện H, huyện L và thành phố Đ, cụ thể như sau:

“Điều 1. Chấp thuận cho triển khai thực hiện dự án đầu tư, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất...

1...

2. Cho phép triển khai thực hiện đối với 1.571 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, với tổng diện tích 691.330,4m² (chi tiết tại Phụ lục 2).

“Phụ lục 2: Bùi Thị L... Diện tích: 400m²...”.

Như vậy, bà L được tỉnh chấp thuận cho chuyển mục đích sử dụng đất ở là 400m².

4/ Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (thay thế Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 và Quyết định 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013) ban hành Bộ T4 về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 quy định 19 tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, cụ thể: 1. Quy hoạch; 2. Giao thông; 3. Thủy lợi; 4. Điện; 5. Trường học; 6. Cơ sở V; 7. Cơ sở H1; 8. Thông tin và truyền thông; 9. Nhà ở dân cư; 10. Thu nhập; 11. Hộ nghèo; 12. Lao động có việc làm; 13. Tổ chức sản xuất; 14. Giáo dục và đào tạo; 15. Y tế; 16. Văn hóa; 17. Môi trường và an toàn cuộc sống thực phẩm; 18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; 19. Quốc phòng và An ninh. Không quy định tiêu chí về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

5/ Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNVPTNT-BTNMT ngày 28/10/2011 của Bộ X1, Bộ N1, Bộ T5 (được thay thế bởi Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ X1) quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Tại Điều 11 quy định hoạch sử dụng đất như sau:

“1. Lập quy hoạch sử dụng đất:

a) Xác định cụ thể diện tích các loại đất trên địa bàn xã đã được cấp huyện phân bổ;

b) Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển, cụ thể: diện tích đất lúa nương, đất trồng cây hàng năm còn lại, đất nông nghiệp khác, đất trụ sở cơ quan, công trình công nghiệp của xã, đất nghĩa trang, nghĩa địa do xã quản lý, đất sông, suối, đất phát triển hạ tầng của xã và đất phi nông nghiệp khác;

c) Trong quá trình lập quy hoạch nông thôn mới, cần xác định những loại đất khi chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Xác định diện tích các loại đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

2. Lập kế hoạch sử dụng đất:

Phân chia các chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng, diện tích đất phải chuyển mục đích sử dụng, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

a) Phân kỳ sử dụng đất theo 2 giai đoạn: 2011-2015 và 2016-2020.

b) Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cho giai đoạn 2011-2015.

3. Hệ thống chỉ tiêu và biểu quy hoạch sử dụng đất (xem Phụ lục).

4. Đối với các xã chưa triển khai lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 thì thực hiện theo Điều này (không lập quy hoạch sử dụng đất riêng).”.

(Các Phụ lục Hệ thống chỉ tiêu và Biểu quy hoạch sử dụng đất cấp xã kèm theo Thông tư liên tịch như Biểu 01: Hiện trạng sử dụng đất năm... ; Biểu 02: Quy hoạch sử dụng đất đến năm... ; Biểu 03: Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch; Biểu 04: Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch; Biểu số 05: Kế hoạch sử dụng đất phân theo từng năm; Biểu 06: Kế

hoạch chuyển mục đích sử dụng đất; Biểu 07: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đều thể hiện mẫu hướng dẫn chung cho việc điền số liệu của từng xã).

* Thông tư số 02/2011/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ X1 thay thế Thông tư liên tịch này quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 8 như sau:

e) Quy hoạch sử dụng đất:

- Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

- Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn 5 năm, 10 năm và thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất, cụ thể: đất nông nghiệp, đất xây dựng và các loại đất khác;

- Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. ”.

(Phụ lục số 01: Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

STT	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
1	Đất nông nghiệp	
1.1	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước...
...		
2	Đất xây dựng	
2.1	Đất ở	Đất ở tại nông thôn
2.2	Đất công cộng	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng cơ sở y tế...
...	...	...

Các Phụ lục số 02, số 03: Hướng dẫn lập biểu quản lý xây dựng theo đồ án và hệ thống ký hiệu trong bản vẽ, đồ án mà không quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất).

6/ Pháp luật đất đai có liên quan quy định về chuyển mục đích sử dụng đất như sau:

- Tại Điều 14 của Luật Đất đai năm 2013 định “... Nhà nước quyết định mục đích sử dụng đất thông qua quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất....”

- Tại Điều 52 của Luật Đất đai năm 2013 quy định “... Căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

1. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nhu cầu sử dụng đất thể hiện trong dự án đầu tư, đơn xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Tại Điều 57 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về Chuyển mục đích sử dụng đất: “...

1. Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm:

a) Chuyển đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối;

b) Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất nuôi trồng thủy sản nước mặn, đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản dưới hình thức ao, hồ, đầm;

c) Chuyển đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang sử dụng vào mục đích khác trong nhóm đất nông nghiệp;

d) Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp;

đ) Chuyển đất phi nông nghiệp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất;

e) Chuyển đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở;

g) Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ; chuyển đất thương mại, dịch vụ, đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

2. Khi chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều này thì người sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; chế độ sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất được áp dụng theo loại đất sau khi được chuyển mục đích sử dụng... “.

- Tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT27/1/2015 của Bộ T5 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ợc sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT 29/9/2017 của Bộ T5 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP6/1/ 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai) quy định:

“... 1. Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng phải đăng ký biến động, bao gồm:

a) Chuyển đất trồng cây hàng năm sang đất nông nghiệp khác gồm: đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được

pháp luật cho phép; nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm;

b) Chuyển đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản sang trồng cây lâu năm;

c) Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm;

d) Chuyển đất ở sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở;

đ) Chuyển đất thương mại, dịch vụ sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ; chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ hoặc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất xây dựng công trình sự nghiệp... ”.

7/ Tại Công văn số 2329/UBND-TD ngày 11/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ trả lời cho bà L, có đoạn: “... Ngày 28/5/2021, Sở T tỉnh có công văn số 1369/STNMT-CCQLĐĐ, trong đó nêu: Cho thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp đã phù hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2021 (với điều kiện các trường hợp này sẽ được cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030)... ”. Đến nay phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, đồ án quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040 đang được Sở Xây dựng tổ chức lập, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt.

Thực tế, công văn số 1369/STNMT ngày 28/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B về việc tham mưu xử lý thông tin đường dây nóng (tin số 42 ngày 25/5/2021) gửi Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh B và Ủy ban nhân dân thành phố Đ như sau:

“... 1. Việc Ủy ban nhân dân thành phố Đ căn cứ quy hoạch nông thôn mới từ năm 2013 không cho chuyển mục đích sử dụng đất lên đất ở tại khu dân cư Ấp F, xã T có phù hợp quy định không?

... Tuy nhiên, theo khoản 9 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (bổ sung Điều 7a) như sau:

Điều 7a. Về quy hoạch sử dụng đất trong quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

1. Nội dung quy hoạch sử dụng đất trong quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì phải rà soát, điều chỉnh nội dung quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới để đảm bảo

phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện. Quy hoạch nông thôn mới của xã T phê duyệt năm 2013 (chính xác là phê duyệt tại Quyết định 4123/QĐ-UB ngày 21/12/2012 – Người khởi kiện) được xây dựng dựa trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu của thành phố Đ được

UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 29/8/2013. Ngày 28/9/2020, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Đ đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định 2433/QĐ-UBND và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cũng đã được phê duyệt tại Quyết định 1098/QĐ-UBND ngày 29/4/2021. Hiện nay thành phố Đ đang tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và toàn bộ nội dung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 sẽ được cập nhật vào giai đoạn này. Vì vậy quy hoạch nông thôn mới của xã T không còn phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030. Do đó, việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất chỉ cần căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 mà không cần căn cứ theo quy hoạch nông thôn mới xã T đã phê duyệt năm 2013. Từ các lý do trên, Sở T kính đề nghị Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thành phố Đ:

- Cho thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp đã phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2021 (với điều kiện các trường hợp này sẽ được cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030);

- Rà soát lại quy hoạch nông thôn mới xã T đã được phê duyệt năm 2013 để điều chỉnh lại cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 nhằm tránh việc chồng chéo giữa các quy hoạch, gây khó khăn cho người dân trong việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất.

Như vậy, Sở TN&MT tỉnh mới chỉ đề nghị Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo thành phố Đ nhưng đến nay Tỉnh ủy, UBND tỉnh chưa có bất kỳ một văn bản nào chỉ đạo thành phố Đ thực hiện 02 vấn đề này nhưng tại Công văn số 2329 thì Chủ tịch UBND thành phố Đ lại viện dẫn văn bản của Sở TN&MT một cách không đầy đủ, cắt xén, thiếu nội dung cụm từ “đề nghị” là “... Ngày 28/5/2021, Sở TN&MT có công văn số 1369, trong đó nêu: Cho thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp đã phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2021 (với điều kiện các trường hợp này sẽ được cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030) để gây hiểu nhầm cho người dân chúng bà L là phải với điều kiện các trường hợp này sẽ được cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030. Tuy nhiên theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất năm 2021-2030 của thành phố Đ thì đất của bà L thuộc khu vực dân cư, được phép chuyển mục đích sử dụng đất và nằm trong đề án (chưa được phê duyệt) quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 của thành phố Đ. Chủ tịch UBND thành phố Đ thực hiện không đúng công văn 1369 của Sở TN&MT và không cho bà L được chuyển mục đích sử dụng đất là không đúng.

8/ Không có bất kỳ một Văn bản pháp luật nào quy định “vị trí đất bà L đề nghị chuyển mục đích dự kiến không được cập nhật là đất ở vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030” hoặc “vị trí đất bà L xin chuyển mục đích sử dụng đất đang được xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030” thì không được chuyển mục đích hoặc/và “sau khi đề án quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040 và phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Đ được phê duyệt, nếu đất của bà L phù hợp quy hoạch thì xem xét chuyển mục đích” thì mới được xem xét chuyển mục đích.

Như vậy, theo các quy định mà bà L đã nêu ra ở trên liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng đất của bà L, liên quan đến quy hoạch Nông thôn mới thì không có các quy định nào khác về hạn chế chuyển mục đích sử dụng đất. Quyết định 4123/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới T không còn phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2021 (dòng 16 từ trên xuống tại trang 2 của Công văn 1369). Việc Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ căn cứ vào vị trí đất bà L đề nghị chuyển mục đích không phù hợp quy hoạch Nông thôn mới được phê duyệt tại Quyết định 4123/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ” (không nêu cụ thể tại Điều nào, khoản nào của Quyết định); căn cứ vào vị trí đất bà L đề nghị chuyển mục đích dự kiến không được cập nhật là đất ở vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 (tức là căn cứ vào cái gọi là quy định chưa được phê duyệt) để không chuyển mục đích sử dụng đất cho bà L là trái pháp luật. Theo quy định của Luật Đất đai thì chỉ cần vị trí, diện tích đất của bà L phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì phải chuyển mục đích cho bà L. Các Quyết định 187/QĐ-UBND ngày 22/01/2021, 1098/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh B và các quy định khác có liên quan đến Nông thôn mới thì diện tích, vị trí đất bà L xin chuyển mục đích từ đất cây lâu năm sang đất ở là đúng quy định và Ủy ban nhân dân thành phố Đ phải chuyển mục đích cho bà L. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ trả lời cho bà L tại Công văn số 2329/UBND-TD ngày 11/11/2021 là không đúng quy định, xâm phạm tới quyền, lợi ích hợp pháp của bà L.

9/ Ý kiến của Sở Xây dựng tỉnh B đối với khu đất, vị trí mà bà L xin chuyển mục đích như sau:

Ngày 01/7/2021, Sở Xây dựng có Công văn số 1808/SXD-QLN phúc đáp nội dung về đồ án quy hoạch chung thành phố Đ, có phần nội dung thể hiện “... Hiện nay, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đ chưa được UBND tỉnh phê duyệt. Do đó, việc quản lý, thực hiện quy hoạch vẫn thực hiện theo đồ án quy hoạch chung đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 và Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 03/5/2018... ”.

Như vậy, quy hoạch thành phố Đ vẫn thực hiện theo theo đồ án quy hoạch chung đã được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 và Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 03/5/2018. Việc Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ cho rằng phải chờ đồ án quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040 được phê duyệt mới xem xét cho phép bà L chuyển mục đích sử dụng đất là không đúng quy định.

Về nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại: Tại phiên Tòa sơ thẩm phía bà L rút yêu cầu nên Tòa cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết.

Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp theo đúng quy định. Bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau đây:

1. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước chuyển mục đích sử dụng đất đối với hồ sơ theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số

000.00.65.H10-210208-0004/TTPVHCC (BPTNTKQ) ngày 08/02/2021 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Đ.

2. Hủy Công văn số 2329/UBND-TD ngày 11/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bị kiện UBND thành phố Đ, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất trình bày như sau:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ phúc đáp đối với nội dung buộc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị đối với diện tích 400m², thửa đất số 517, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.541,5m² (CLN), tọa lạc tại ấp F xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước như sau:

Thửa đất bà L đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị với diện tích 400m² tại thửa đất nêu trên đã được đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 (số thứ tự 461). Theo phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Đ tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 và theo Kế hoạch sử đất năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 thì vị trí xin chuyển mục đích của bà L thuộc đất ở nông thôn. Tuy nhiên, theo quy hoạch Nông thôn được phê duyệt tại Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ, thửa đất này thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm. Ngày 28/5/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có Công văn số 1369/STNMT-CCQLĐĐ, trong đó nêu: Cho thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp đã phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2021 (*với điều kiện các trường hợp này sẽ được cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030*). Căn cứ Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Đ thì thửa đất nêu trên của bà L thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm và Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về phê duyệt Đồ án quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040, thửa đất của bà L thuộc quy hoạch là đất dự trữ phát triển. Như vậy, vị trí thửa đất bà L đề nghị chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở là không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, không phù hợp với quy hoạch Nông thôn mới, đồng thời không phù hợp với Đồ án quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040. Từ những căn cứ nêu trên, nội dung khởi kiện của bà L buộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị diện tích 400m² là không có căn cứ để thực hiện. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bác nội dung khởi kiện của bà L.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ phúc đáp đối với nội dung yêu cầu hủy Công văn số 2329/UBND-TD ngày 11/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc trả lời đơn của bà L như sau:

Ngày 08/02/2021, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố Đ tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất của Bà Bùi Thị L đối với thửa đất số thửa đất số 513, tờ bản đồ số 08; diện tích: 1.668,1m² cây lâu năm (CLN), diện tích đăng ký chuyển mục đích sang đất ở 400m² tại xã T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước.

Ngày 09/02/2021, Phòng T3 tiếp nhận hồ sơ xin chuyển mục đích của Bà Bùi Thị L do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố chuyển đến. Phòng T3 có Công văn số 66/TN&MT ngày 09/02/2021 chuyển hồ sơ của bà L đến Phòng Quản lý đô thị thành phố để lấy ý kiến.

Ngày 08/3/2021, Phòng Quản lý đô thị có Công văn số 96/QLĐT-NĐ về việc cho ý kiến vị trí chuyển mục đích sử dụng đất, theo đó diện tích bà L đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất không đủ điều kiện chuyển sang đất ở, do thuộc đất trồng cây lâu năm theo Quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt tại Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước.

Ngày 10/3/2021, Phòng T3 có Công văn số 216/TNMT ngày 10/3/2021 về chuyển trả hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất ở cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố để trả cho hộ Bà Bùi Thị L do chưa đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất. Sau đó, cán bộ tiếp nhận hồ sơ thuộc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố đã liên hệ theo số điện thoại đăng ký của bà L nhưng bà L không đến nhận lại hồ sơ.

Ngày 23/8/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Đ nhận Đơn khiếu nại hành vi chuyển mục đích sử dụng đất dẫn đến thiệt hại người dân của bà Bùi Thị L (đơn ghi ngày 18/8/2021 và ủy quyền cho ông Bùi Gia N) với nội dung yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ xem xét giải quyết sớm việc xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà L.

Ngày 21/9/2021, Phòng T3 có Báo cáo số 654/BC-TNMT tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 2329/UBND-TD ngày 11/11/2021 về việc trả lời đơn của bà Bùi Thị L, trong đó nêu: Sau khi Đồ án quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040 và Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Đ được phê duyệt, nếu thửa đất của bà L phù hợp với quy hoạch đất ở thì Ủy ban nhân dân thành phố sẽ xem xét việc xin chuyển mục đích của bà L theo quy định.

Trên cơ sở Báo cáo số 654/BC-TNMT ngày 21/9/2021 của Phòng T3, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 2329/UBND-TD ngày 11/11/2021 trả lời nội dung đề nghị xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Bùi Thị L là phù hợp quy định (Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ). Việc bà L khởi kiện đề nghị tuyên hủy Công văn này của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ là không có cơ sở, do đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bác đơn khởi kiện của bà L, giữ nguyên Công văn số 2329/UBND-TD ngày 11/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Đình L1 trình bày:***

Khoảng thời gian tháng 2 năm 2021, ông Cao Đình L1 có nhận chuyển nhượng đất ở địa chỉ khu dân cư Á, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Đối với thửa đất của ông Đặng Văn S, ông Đặng Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2, ông L1 nhận chuyển nhượng lần lượt từng người với số tiền 1.900.000.000 đồng và số tiền ông L1 cọc lần lượt từng người là 900.000.000 đồng. Đối với thửa đất của bà Nguyễn Thị M, ông L1 nhận chuyển nhượng với số tiền 1.800.000.000 đồng và số tiền cọc là 800.000.000 đồng. Đối với thửa đất của bà Bùi Thị L, ông L1 nhận chuyển nhượng với số tiền 1.800.000.000 đồng, với số tiền cọc là 800.000.000 đồng. Hẹn 60 ngày công chứng sang tên, nhưng do không đủ điều kiện quy hoạch chuyển đổi đất nên ông Đặng Văn S, ông Đặng Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị M, bà Bùi Thị L không ký công chứng cho ông L1 được và có thương lượng gia hạn thêm thời gian công chứng và hứa hẹn nhiều lần. Đến khoảng thời gian qua tết âm lịch năm 2021 ông L1 có đến từng nhà để lấy tiền cọc và yêu cầu những người trên bồi thường tiền cọc. Tổng số tiền của 5 hộ dân là 4.200.000.000 đồng và 4.200.000.000 đồng số tiền đặt cọc.

Nay ông L1 được biết các hộ dân trên đang khởi kiện tại Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước yêu cầu UBND thành phố Đ bồi thường số tiền nêu trên. Ông L1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Do bận công việc nên ông L1 đề nghị Toà án xin vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước trình bày:*

Đối với nội dung của người khởi kiện yêu cầu UBND thành phố Đ chấp thuận cho người khởi kiện được chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở không làm phát sinh các hành vi hành chính hay quyết định hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng. Vì vậy, Sở Xây dựng không có tài liệu chứng cứ và ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện. Do bận công tác nên Sở Xây dựng xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Toà án giải quyết vụ án.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 05/2003/HC-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; Điều 7, khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 52 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 7; Điều 18; 27; 28; 29; Điều 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ; biểu mẫu quy định kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP;

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1, 6 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Bùi Thị L, cụ thể:

1. Hủy Công văn số 2329/UBND-TD Ngày 11/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về việc trả lời đơn của bà Bùi Thị L.

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước chuyển mục đích sử dụng đất đối với hồ sơ theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 000.00.65.H10-210208-0004/TTPVHCC (BPTNTKQ) ngày 08/02/2021 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Đ.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Bùi Gia N rút yêu cầu này tại phiên tòa.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/3/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 05/QĐ-VKS-HC kháng nghị bản án sơ thẩm; Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Trong phần tranh luận:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Kháng cáo của người khởi kiện là đúng quy định của pháp luật, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước thì thấy:

[2.1] UBND thành phố Đ trả lời vị trí đất của bà L đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất không phù hợp với quy hoạch Nông thôn mới được phê duyệt tại Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND thị xã Đ, đồng thời vị trí đất này dự kiến không được cập nhật là đất ở vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 để không chấp nhận yêu cầu xin chuyển mục đích sử dụng sang đất ở bà L là có căn cứ. Bởi vì, theo Quyết định số 4123 quy định về phê duyệt quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã T ở giai đoạn 2011-2020, được phê duyệt tại Quyết định số 4123 đã thực hiện xong năm 2020, không còn phù hợp với thời điểm bà L nộp hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất.

[2.2] Tại Điều 52 của Luật Đất đai năm 2013, quy định “... Căn cứ để cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: “1. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt...”. Vì vậy, thời điểm bà L đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất thì kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Đ tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 và Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Đ đã thực hiện xong. Đến ngày 08/02/2021, bà L nộp hồ sơ đề nghị chuyển 400m² từ cây lâu năm sang đất ở; Tuy nhiên ngày 29/4/2021, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1098/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của UBND thành phố Đ năm 2021, sau ngày bà L nộp đơn yêu cầu chuyển mục đích. Theo kế hoạch chuyển mục đích đất ở của UBND xã T không có phê duyệt chuyển mục đích diện tích đất trồng cây lâu năm sang đất ở.

[3] Tại thời điểm xét xử thì UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Đ và Quyết định 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt đồ án và quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đ đến năm 2040 đã xác định thửa đất của bà L yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất là thửa đất thuộc đất trồng cây lâu năm và đất dự trữ phát triển; không phê duyệt được chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất ở của UBND xã T;

[4] Từ cơ sở trên, xét thấy: UBND thành phố Đ không chấp nhận yêu cầu xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Liên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở theo yêu cầu của bà L là đúng quy định; Tòa cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, buộc UBND thành phố Đ chuyển đổi mục đích sử dụng đất của bà Liên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở là không đúng quy định; không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước nên không thể thi hành được; Nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ được chấp nhận; cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

[5] Quan điểm tranh luận tại phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí Hành chính sơ thẩm bà Bùi Thị L phải chịu theo luật định; UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND thành phố Đ không phải chịu.

[7] Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước. Sửa bản án Hành chính sơ thẩm số 05/2003/HC-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Áp dụng:

- Điều 52 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 7; Điều 18; 27; 28; 29; Điều 31 của Luật Khiếu nại năm 2011;

- Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về việc:

1. Hủy Công văn số 2329/UBND-TD Ngày 11/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về việc trả lời đơn của bà Bùi Thị L.

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước chuyển mục đích sử dụng đất đối với hồ sơ theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 000.00.65.H10-210208-0004/TTPVHCC (BPTNTKQ) ngày 08/02/2021 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Đ.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Bùi Gia N rút yêu cầu này tại phiên tòa.

4. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019800 ngày 06/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

- Án phí hành chính phúc thẩm: các đương sự không phải chịu.

5. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương

Nguyễn Thị Cúc

Lê Văn An